TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 80 /2021/QĐST –HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 27 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2021/TLST – HN&GĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Xóm Chùa 2, xã Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1982

ĐKHKTT: Xóm Chùa 2, xã Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn H và chị Nông Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn H và chị Nông Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: anh Phạm Văn H và chị Nông Thị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 18/9/2017.

Anh Huy, chị Liên nhất trí thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn như sau: Giao con chung cháu Phạm Như Q, sinh ngày 18/9/2017 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.3. Tài sản chung: anh H , chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. Các khoản nợ chung, cho vay chung: Anh Huy, chị Liên xác định vợ chồng không có nợ chung, khoản cho vay chung, không đặt ra việc giải quyết.

2.5 Về án phí: Anh Phạm Văn H và chị Nông Thị L thống nhất thoả thuận: Anh Phạm Văn H tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001824 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phổ Yên. Anh H được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Đắc Sơn;
(cơ quan đăng ký kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà